TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 195/2017/QĐST-HNGĐ	*Càng Long, ngày 18 tháng 7 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân thụ lý số: 91/2016/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 11 năm 2016, giữa:

Nguyên đơn: chị Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1978.
Địa chỉ: ấp D, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: anh Huỳnh Văn T, sinh năm 1981.
Địa chỉ: ấp D, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10/7/2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp D, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh với anh Huỳnh Văn T, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp D, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: chị Lê Thị Ngọc H và anh Huỳnh Văn T tự nguyện thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Tên Huỳnh Tấn K, sinh ngày 26/6/2004 hiện đang sống với anh T, tại phiên hòa giải cháu K có nguyện vọng sống chung với anh T. Chị H và anh T tự nguyện thỏa thuận về quyền nuôi dưỡng con như sau: anh Huỳnh Văn T được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Tấn K, sinh ngày 26/6/2004.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Các đương sự chưa đặt ra yêu cầu giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con, nên Toà án không xem xét.

- *Về tài sản chung*: chị H và anh T tự nguyện thỏa thuận, chưa đặt ra yêu cầu nên Tòa án không giải quyết. Tại phiên hòa giải chị H xin rút lại yêu cầu khởi kiện chia tài sản.

- *Về nợ chung*: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V Chi nhánh huyện C, Phòng giao dịch xã B 150.000.000 đồng; Ngân hàng chính sách xã hội huyện C 20.000.000 đồng; Cửa hàng vật tư nông nghiệp Nguyễn Văn N 11.190.000 đồng; Cửa hàng vật tư xây dựng Nguyễn Thanh T 8.500.000 đồng, bà Huỳnh Thị Kim T 50.000.000 đồng, bà Huỳnh Thị T 2.500.000 đồng và bà Huỳnh Thị X 01 chỉ vàng 24kra. Do các chủ nợ có đơn chưa yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ này trong vụ án hôn nhân nên Tòa án không xem xét.

- *Về lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ*: chị Lê Thị Ngọc H nộp tạm ứng 400.000 đồng, chi xem xét thẩm định tại chỗ 400.000 đồng, chị H đã nộp đủ lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ.

- *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: chị Lê Thị Ngọc H tự nguyện nộp 100.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2015/0006579 ngày 02/11/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Hoàn trả cho chị H 100.000 đồng tiền tạm ứng án phí. Anh T không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *VKSND huyện;*
- *Tòa án tỉnh;*
- *CCTHA huyện;*
- *UBND xã, thị trấn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

Thẩm phán
(Đã ký tên và đóng dấu)

Lê Thị Trúc Linh